|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 14/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử; Bộ Công an báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Ngày 27/11/2023, kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Căn cước, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Nội dung Luật Căn cước có quy định Căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập. Tại khoản 5 Điều 31 Luật Căn cước quy định “Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp căn cước điện tử”. Tại khoản 5 Điều 34 Luật Căn cước quy định “Chính phủ quy định trình tự, thủ tục khóa, mở khóa căn cước điện tử”.

- Tại khoản 4 Điều 41 Luật Căn cước quy định về trách nhiệm của Bộ Công an: “Xây dựng, trình Chính phủ quy định về việc xác lập, hủy, xác lập lại số định danh cá nhân; cấp, quản lý tài khoản định danh điện tử, xác thực điện tử; sao lưu, phục hồi dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước”.

- Luật Căn cước có quy định về việc cấp căn cước cho công dân dưới 14 tuổi, do vậy cần bổ sung quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử cho phù hợp với quy định của Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chíp bán dẫn).

**2. Cơ sở thực tiễn**

*2.1. Về công tác cấp, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử*

Triển khai thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, đến nay Bộ Công an đã cấp trên 70,2 triệu tài khoản định danh điện tử cho người dân (vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao). Triển khai các tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) vượt chỉ tiêu đề ra, trong đó có những nội dung mang lại nhiều tiện ích cho người dân như:

(1) Đã tích hợp, sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng dịch vụ công Quốc gia với trung bình 15.312 lượt sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập/01 ngày, giúp người dân khắc phục tình trạng công dân không có số điện thoại chính chủ để tạo tài khoản đăng nhập, sử dụng dịch vụ công. ​

(2) Triển khai dịch vụ công thông báo lưu trú trên tài khoản định danh điện tử với 1,1 triệu lượt. Giúp người dân không phải đến cơ quan Công an để thực hiện khai báo lưu trú.

​(3) Tích hợp thẻ căn cước trên tài khoản định danh điện tử. Giúp người dân không phải mang theo nhiều giấy tờ, sử dụng tài khoản định danh điện tử làm thủ tục tại 22 cảng hàng không nội địa mà không cần xuất trình thẻ căn cước gắn chip điện tử.

​(4) Tích hợp thông tin cư trú của công dân, gồm thông tin hành chính của chủ hộ và các thành viên khác trong hộ gia đình lên tài khoản định danh điện tử, là giải pháp thay thế sổ hộ khẩu giấy.

​(5) Triển khai tiện ích kiến nghị, phản ánh về an ninh - trật tự trên tài khoản định danh điện tử: Đã có 5.974 kiến nghị phản ánh từ người dân. Tạo thuận tiện cho người dân trong việc phản ánh về tình hình an ninh - trật tự mà không phải đến cơ quan Công an, góp phần giúp phòng ngừa tội phạm từ sớm, từ xa.

​(6) Triển khai tuyên truyền, cảnh báo thủ đoạn tội phạm trên tài khoản định danh điện tử với các nội dung cảnh báo thủ đoạn giả danh các cơ quan Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bên cạnh các kết quả tích cực, trong quá trình triển khai công tác cấp, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử đã xuất hiện một số tồn tại và các vấn đề phát sinh cần phải được xem xét để sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

*Một là,* việc người dân sử dụng thuê bao chưa đăng ký thông tin người sử dụng, thuê bao ít sử dụng, không sử dụng để đăng ký tài khoản định danh điện tử, dẫn đến khó khăn trong việc kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử.

*Hai là,* chưa quy định rõ các tiện ích của ứng dụng định danh quốc gia.

*Ba là,* khó khăn trong triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho tổ chức: Đối với tổ chức không có mã số thuế khi cấp tài khoản định danh điện tử sẽ được hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập mã định danh riêng để sử dụng; tuy nhiên, sau đó tổ chức này được cơ quan quản lý thuế cấp mã số thuế riêng; như vậy là chưa có sự đồng nhất giữa Số định danh điện tử của tổ chức và mã số thuế, gây khó khăn cho công tác quản lý. Theo đó, cần chỉnh lý quy định về Số định danh điện tử đối với tổ chức cho phù hợp, theo hướng đây là dãy số tự nhiên do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập cho tổ chức, thông tin về mã số thuế của tổ chức (nếu có) sẽ là 01 thông tin thuộc danh tính điện tử của tổ chức được đồng bộ vào hệ thống định danh và xác thực điện tử.

*2.2. Về cung cấp dịch vụ xác thực điện tử*

Ngày 16/01/2024, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký Quyết định số 170/QĐ-BCA cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước (là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Công an). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để cung cấp dịch vụ xác thực điện tử phục vụ triển khai Đề án 06/CP, chuyển đổi số quốc gia, hướng tới cung cấp dịch vụ trực tuyến cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Bước đầu, Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước đã triển khai thí điểm các dịch vụ về xác thực điện tử như: Tích hợp ví điện tử, mở tài khoản thanh toán, chữ ký số, an sinh xã hội, lý lịch tư pháp, thuê bao di động… Tuy nhiên, quá trình triển khai có một số quy định cần phải điều chỉnh, bổ sung để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như:

*Một là,* quy định về xác thực điện tử trước đây chỉ bó hẹp với việc xác thực các dữ liệu được tạo lập từ hệ thống định danh điện tử, trong khi đó dữ liệu của người dân, doanh nghiệp được tạo lập, lưu trữ, xác thực từ nhiều nguồn khác nhau. Do vậy, cần thiết phải mở rộng các dữ liệu và dịch vụ được xác thực qua Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

*Hai là,* tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử chưa quy định các phương án tổ chức hoạt động thông qua các đại lý phân phối dịch vụ dẫn tới việc cung cấp dịch vụ xác thực điện tử có nhiều hạn chế, khó mở rộng và tiếp cận dịch vụ tới nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

*Ba là,* mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử chưa bổ sung các yếu tố xác thực theo quy định của Luật Căn cước như sinh trắc giọng nói, mống mắt.

*Bốn là*, chưa có quy định về giá trị của các dịch vụ xác thực điện tử đối với các giao dịch để khẳng định chủ thể danh tính, xác minh cho các giao dịch được đảm bảo và bên sử dụng dịch vụ tự quyết định về các mức độ xác thực được cung cấp từ Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

*2.3. Để phục vụ việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

Đề án số 06 cũng đã xác định một số nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phát huy giá trị, tiện ích thẻ căn cước, ứng dụng định danh quốc gia công dân gồm:

(1) Bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ căn cước, ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID), trong đó, tập trung thực hiện ngay đối với một số giấy tờ như: Bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức...

(2) Nghiên cứu, triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng, tiện ích có sẵn của chíp điện tử trên thẻ căn cước đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(3) Triển khai rộng rãi việc ứng dụng các tính năng, tiện ích của chíp điện tử trên thẻ căn cước đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(4) Triển khai ứng dụng các tính năng của chíp điện tử gắn trên thẻ căn cước và ứng dụng định danh quốc gia trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội nhất là các lĩnh vực chuyển đổi số mạnh nhất như: Ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...), tài chính, viễn thông, điện, nước.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực tiễn, hướng dẫn thi hành nội dung theo quy định của Luật Căn cước, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình hiện nay, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử để hoàn thiện hành lang cơ sở pháp lý triển khai thực hiện, tạo bước đột phá về chuyển đổi số ở nước ta.

Từ các căn cứ nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử để thay thế Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử cho phù hợp với quy định của Luật Căn cước năm 2023 và đáp ứng yêu cầu thực tiễn là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

a) Nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ việc đăng ký, quản lý, khai thác, sử dụng tài khoản định danh điện tử, dịch vụ xác thực điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch trên môi trường điện tử, thực hiện đơn giản hóa, cải cách hành chính nhưng vẫn bảo đảm bảo vệ bí mật, an ninh, an toàn thông tin cá nhân;

b) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, đáp ứng chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số của Đảng, Nhà nước và yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới. Thể chế hóa, hoàn thiện hành lang pháp luật để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

a) Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nói chung và pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng; định hướng của Chính phủ về hoàn thiện hạ tầng và chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử;

b) Thể chế hóa kịp thời các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển và khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phù hợp tình hình kinh tế, xã hội và hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân ở Việt Nam;

c) Việc xây dựng dự thảo Nghị định được tiến hành trên cơ sở thực tiễn; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người dân trong đi lại, giao dịch, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, yêu cầu quản lý dân cư, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật;

d) Đảm bảo tính khả thi của các quy định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Xây dựng, hoàn thiện nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử.

2. Đăng Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; 02 lần gửi xin ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các đơn vị, địa phương đối với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định (Công văn số 643/BCA-C06 ngày 27/02/2024, Công văn số 2188/C06-TTDLDC ngày 20/3/2024).

3. Tổ chức hội thảo với một số đơn vị cấp Cục thuộc các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan để lấy ý kiên tham gia đối với nội dung dự thảo Nghị định. Căn cứ nội dung thống nhất tại hội thảo, Bộ Công an đã tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia, tu chỉnh lại dự thảo và có văn bản đề nghị các đơn vị cho ý kiến tham gia lần 2 đối với nội dung dự thảo Nghị định.

4. Tổng hợp các ý kiến tham gia và xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia.

5. Chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

6. Xây dựng Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và trình Chính phủ xem xét ban hành.

**IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về bố cục của Nghị định**

Bao gồm 07 Chương với 41 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I quy định chung gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc định danh và xác thực điện tử.

- Chương II về danh tính điện tử, định danh điện tử gồm 05 điều (từ Điều 5 đến Điều 9) quy định về danh tính điện tử người nước ngoài; danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức; phân loại, đối tượng được cấp tài khoản định danh điện tử; cập nhật thông tin vào hệ thống định danh và xác thực điện tử; sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo lập.

- Chương III về tài khoản định danh điện tử và xác thực điện tử gồm 12 điều (từ Điều 10 đến Điều 21) quy định về trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức; thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử; kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử; trình tự, thủ tục khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử; thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam, người nước ngoài, tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử; lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử; điều kiện, thủ tục kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử; xác thực điện tử; mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử; phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Chương IV về dịch vụ xác thực điện tử gồm 06 điều (từ Điều 22 đến Điều 27) quy định về dịch vụ xác thực điện tử; điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; cấp lại, thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; chi phí cấp tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử.

- Chương V về căn cước điện tử gồm 04 điều (từ Điều 28 đến Điều 31) quy định về mối quan giữa căn cước điện tử với tài khoản định danh điện tử mức độ 2, ứng dụng định danh quốc gia cấp cho công dân Việt Nam, hệ thống định danh và xác thực điện tử; trình tự, thủ tục cấp căn cước điện tử; trình tự, thủ tục khóa căn cước điện tử; trình tự, thủ tục mở khóa căn cước điện tử.

- Chương VI về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm 08 điều (từ Điều 32 đến Điều 39) quy định về trách nhiệm chủ thể danh tính điện tử; bên sử dụng dịch vụ; tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản; Trách nhiệm của Bộ Công an; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; Trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Chương VII về điều khoản thi hành gồm 02 điều (từ điều 40 đến điều 41) quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

2.1. Về quy định chung:

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 34, khoản 4 Điều 41 và quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về định danh, xác thực điện tử và căn cước điện tử.

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực điện tử, căn cước điện tử.

2.2. Về danh tính điện tử, định danh điện tử:

- Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm: Số định danh điện tử của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; Ảnh khuôn mặt; Vân tay.

- Danh tính điện tử của tổ chức gồm: Số định danh điện tử của cơ quan, tổ chức; Tên cơ quan, tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); Ngày, tháng, năm thành lập; Địa chỉ trụ sở chính; Mã số thuế (nếu có); Mã số doanh nghiệp (nếu có); Số định danh điện tử của cơ quan, tổ chức (nếu có); Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân (hoặc số định danh của người nước ngoài) của người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của cơ quan, tổ chức thực hiện cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức.

- Cập nhật thông tin vào hệ thống định danh và xác thực điện tử: Thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh có sự thay đổi thì được tự động cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử. Thông tin của tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có sự thay đổi thì được tự động cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo lập: Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập và sử dụng các tính năng, tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia, trang thông tin định danh điện tử. Tài khoản định danh điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thể danh tính điện tử. Thông tin được khai thác, sử dụng thông qua tài khoản định danh điện tử và thông tin được tích hợp trong ứng dụng định danh quốc gia có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tạo lập tài khoản để phục vụ cho hoạt động của mình và chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản. Thông tin để tạo lập tài khoản do chủ thể của tài khoản cung cấp hoặc đồng ý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để tạo lập tài khoản.

2.3. Về tài khoản định danh điện tử và xác thực điện tử.

- Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài; cơ quan, tổ chức; trình tự, thủ tục khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử; lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử; kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử.

- Quy định về điều kiện, thủ tục kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử; xác thực điện tử; mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử; phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử: Đối với trường hợp công dân Việt Nam đã có thẻ căn cước: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01; không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02. Đối với trường hợp công dân Việt Nam chưa có thẻ căn cước: Không quá 07 ngày làm việc. Đối với người nước ngoài: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01; không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đã có thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; không quá 07 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 nhưng chưa có thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh. Đối với tổ chức: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Không quá 15 ngày với trường hợp thông tin cần xác minh về tổ chức không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam, người nước ngoài, tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.

2.4. Về dịch vụ xác thực điện tử:

- Dịch vụ xác thực điện tử là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Quy định cụ thể về điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; cấp lại, thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử.

- Chi phí cấp tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử: Chủ thể danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, người nước ngoài không phải thanh toán chi phí đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xác thực điện tử thanh toán chi phí cho Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ.

2.5. Về căn cước điện tử:

- Quy định về mối quan giữa căn cước điện tử với tài khoản định danh điện tử mức độ 2, ứng dụng định danh quốc gia cấp cho công dân Việt Nam, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

- Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp căn cước điện tử; khóa, mở khóa căn cước điện tử.

2.6. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Quy định cụ thể về trách nhiệm chủ thể danh tính điện tử, trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản, trách nhiệm của Bộ Công an, trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**V. NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công an để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Đồng thời, Bộ Công an đã có Công văn số 643/BCA-C06 ngày 27/02/2024 gửi đến các bộ, ngành, địa phương để lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

**VI. NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

**1. Những nội dung tiếp thu**

**2. Những nội dung giải trình**

*(Nội dung này sẽ được bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);  - Lưu: VT, C06 (TTDLDC). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Thượng tướng Nguyễn Duy Ngọc** |
|  |  |